

Compliance Information Model: CXPLUSTW1			
Frequency band: 2400 – 2483.5 MHz		Transmit power (EIRP): 10 mW (max)	
Country/Region	Right earbud Model: CXPLUSTW1 R	Left earbud Model: CXPLUSTW1 L	Charging case Model: CXPLUSTW1 C
USA			
	FCC ID: 2A3ULCXPLUSTW1R	FCC ID: 2A3ULCXPLUSTW1L	–
Canada	 CAN ICES3(B)/NMB3(B)		
	IC: 28115-CXPLUSTW1R	IC: 28115-CXPLUSTW1L	–
Europe	  		
United Kingdom	  		
Australia/ New Zealand			
South Korea	 R-R-SE9-CXPLUSTW1 모델명: CXPLUSTW1, CXPLUSTW1 R, CXPLUSTW1 L 상호명: Sonova Consumer Hearing GmbH 기자재명칭: 무선데이터통신시스템용 무선기기 제조사: Sonova Consumer Hearing GmbH 제조국: 독일		 Battery: YU10411-20007 or XU100367-20050A or XU102202-21068A
Greater China			
	CMIIT ID: 2021DJ9056	CMIIT ID: 2021DJ12841	–
	說明書(合規表)及彩盒含NCC型式認證碼, 需永久保存		
	 CCAI21LP1150T0	 CCAI21LP1160T0	–
取得審驗證明之低功率射頻器材, 非經核准, 公司、商號或使用者均不得擅自變更頻率、加大功率或變更原設計之特性及功能。 低功率射頻器材之使用不得影響飛航安全及干擾合法通信; 經發現有干擾現象時, 應立即停用, 並改善至無干擾時方得繼續使用。前述合法通信, 指依電信管理法規作業之無線電通信。低功率射頻器材須忍受合法通信或工業、科學及醫療用電波輻射性電機設備之干擾。			
Japan	  201-210329	  201-210327	–
Indonesia	77438/SDPPI/2021 13142	77447/SDPPI/2021 13142	–
	79766/SDPPI/2022 10196	79765/SDPPI/2022 10196	–
Brazil	 Este equipamento não tem direito à proteção contra interferência prejudicial e não pode causar interferência em sistemas devidamente autorizados. Para maiores informações, consulte o site da ANATEL: www.gov.br/anatel/pt-br.		–
Russia			
Vietnam	Kể từ ngày 1 tháng 12 năm 2012, các sản phẩm được sản xuất bởi Sonova Consumer Hearing GmbH tuân thủ Thông tư 30/2011/TT-BCT quy định về giới hạn cho phép đối với một số chất độc hại trong các sản phẩm điện và điện tử.		

